

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giao biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc của các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Kết Luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 70-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy

định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Quyết định số 3216-QĐ/BTCTW, ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3687-QĐ/TU ngày 29/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế khối Đảng, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể và khối chính quyền tỉnh Thanh Hóa, năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao biên chế của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 619/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao biên chế của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 124/TTr-SNV ngày 27/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao biên chế các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện; các Hội cấp tỉnh năm 2025, gồm:

1. Biên chế cán bộ, công chức của các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố: 3.492 biên chế.

2. Số lượng người làm việc trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập: 61.401 người, trong đó:

a) Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 54.317 người;

b) Sự nghiệp Y tế: 4.965 người;

c) Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và Thể thao: 866 người;

d) Sự nghiệp khác: 1.253 người.

3. Biên chế dự phòng:

a) Biên chế cán bộ, công chức dự phòng: 89 biên chế.

b) Biên chế sự nghiệp dự phòng: 93 biên chế.

4. Số lượng người làm việc tại các Hội cấp tỉnh: 78 người và 01 định suất lương.

(có Phụ lục số 1, 2 và 3 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Khẩn trương thực hiện điều chuyển, tiếp nhận biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc gắn với chức năng, nhiệm vụ điều chuyển, tiếp nhận giữa các cơ quan, đơn vị theo Đề án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh đã được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Nội vụ).

b) Phân bổ chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc được giao cho các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền, đảm bảo không vượt quá số biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc được giao năm 2025.

c) Quản lý, sử dụng hiệu quả chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc được giao; đồng thời tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định.

2. Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Kho bạc nhà nước cấp huyện có trách nhiệm:

a) Thực hiện chi trả tiền lương, các khoản phụ cấp (nếu có) theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao năm 2025.

b) Đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu hoặc thực hiện tinh giản trong năm 2025 thì thực hiện chi trả tiền lương, các khoản phụ cấp (nếu có) đến thời điểm nghỉ việc.

3. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra đối với các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc.

b) Trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, giao Sở Nội vụ tham mưu, báo cáo UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc và giao chỉ tiêu biên chế từ nguồn dự phòng cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo không vượt quá tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025.

c) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về tình hình thực hiện biên chế theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2025 và thay thế Quyết định số 5197/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc của các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, năm 2025.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục 1
BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ,
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 633 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan đơn vị	Biên chế giao năm 2025
1	2	3
	Tổng số (I+II+III)	3.581
I	CẤP HUYỆN	1.795
1	Huyện Mường Lát	56
2	Huyện Quan Sơn	58
3	Huyện Quan Hóa	59
4	Huyện Bá Thước	67
5	Huyện Lang Chánh	59
6	Huyện Thường Xuân	67
7	Huyện Như Xuân	59
8	Huyện Như Thanh	59
9	Huyện Ngọc Lặc	67
10	Huyện Cẩm Thủy	67
11	Huyện Thạch Thành	66
12	Huyện Vĩnh Lộc	58
13	Huyện Thọ Xuân	72
14	Huyện Triệu Sơn	68
15	Huyện Nông Công	68
16	Huyện Yên Định	67
17	Huyện Thiệu Hóa	67
18	Huyện Hà Trung	58
19	Thị xã Bim Sơn	59
20	Huyện Nga Sơn	66
21	Huyện Hậu Lộc	67
22	Huyện Hoằng Hóa	74
23	Huyện Quảng Xương	68
24	Thị xã Nghi Sơn	99
25	Thành phố Sầm Sơn	63
26	Thành phố Thanh Hóa	157
II	CẤP TỈNH	1.697
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	571
-	Cơ quan Sở	123
-	Chi cục Thủy lợi	36
-	Chi cục Phát triển nông thôn	24
-	Chi cục Biên hải đảo, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	9
-	Chi cục Thủy sản	27

TT	Tên cơ quan đơn vị	Biên chế giao năm 2025
-	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	21
-	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	22
-	Chi cục Kiểm lâm	218
-	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	16
-	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bến En	16
-	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Xuân Liên	17
-	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	19
-	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	8
-	Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới	15
2	Sở Tư pháp	42
3	Sở Công Thương	60
4	Sở Xây dựng	135
5	Ban An toàn giao thông tỉnh	3
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	73
7	Văn phòng UBND tỉnh	103
-	Cơ quan Văn phòng	88
-	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	15
8	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	35
9	Sở Nội vụ	100
10	Sở Dân tộc và Tôn giáo	36
11	Sở Tài chính	154
12	Sở Y tế	97
-	Cơ quan Sở	65
-	Chi cục Dân số	15
-	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	17
13	Sở Khoa học và Công nghệ	80
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	80
15	Thanh tra tỉnh	45
16	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	63
17	Sở Ngoại vụ	20
III	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	89

Phụ lục 2
BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP CỦA CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ,
CƠ QUAN TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH;
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 633 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	Tổng số (I+II+III)	61.494
I	CẤP HUYỆN	48.740
1	Huyện Mường Lát	894
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	14
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	8
	- Sự nghiệp Giáo dục	872
	+ Mầm non	289
	+ Tiểu học	364
	+ TH cơ sở	209
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	10
2	Huyện Quan Sơn	1.054
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	15
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	8
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.031
	+ Mầm non	451
	+ Tiểu học	342
	+ TH cơ sở	232
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	6
3	Huyện Quan Hóa	1.040
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	17
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.014
	+ Mầm non	386
	+ Tiểu học	372
	+ TH cơ sở	245
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	11
4	Huyện Bá Thước	1.757
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	20
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	8
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.729
	+ Mầm non	655
	+ Tiểu học	620
	+ TH cơ sở	436
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	18
5	Huyện Lang Chánh	956
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	15
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	8
	- Sự nghiệp Giáo dục	933

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025
	+ Mầm non	377
	+ Tiểu học	318
	+ TH cơ sở	226
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	12
6	Huyện Thường Xuân	1.777
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	17
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.751
	+ Mầm non	677
	+ Tiểu học	607
	+ TH cơ sở	446
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	21
7	Huyện Như Xuân	1.318
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	19
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.290
	+ Mầm non	540
	+ Tiểu học	435
	+ TH cơ sở	301
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	14
8	Huyện Như Thanh	1.483
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	16
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.457
	+ Mầm non	521
	+ Tiểu học	550
	+ TH cơ sở	365
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	21
9	Huyện Ngọc Lặc	2.035
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	17
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.009
	+ Mầm non	696
	+ Tiểu học	753
	+ TH cơ sở	527
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	33
10	Huyện Cẩm Thủy	1.536
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	18
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.508
	+ Mầm non	585
	+ Tiểu học	536
	+ TH cơ sở	363
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	24
11	Huyện Thạch Thành	2.273
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	19
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	11

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.243
	+ Mầm non	839
	+ Tiểu học	801
	+ TH cơ sở	587
	+ Trung cấp nghề	16
12	Huyện Vĩnh Lộc	1.175
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	14
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.151
	+ Mầm non	454
	+ Tiểu học	366
	+ TH cơ sở	313
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	18
13	Huyện Thọ Xuân	2.644
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	18
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.616
	+ Mầm non	952
	+ Tiểu học	901
	+ TH cơ sở	733
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	30
14	Huyện Triệu Sơn	2.471
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	13
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	12
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.446
	+ Mầm non	805
	+ Tiểu học	896
	+ TH cơ sở	713
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	32
15	Huyện Nông Cống	2.179
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	14
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.155
	+ Mầm non	732
	+ Tiểu học	777
	+ TH cơ sở	622
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	24
16	Huyện Yên Định	2.033
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	14
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	11
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.008
	+ Mầm non	702
	+ Tiểu học	714
	+ TH cơ sở	565
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	27
17	Huyện Thiệu Hóa	1.777
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	11

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	11
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.755
	+ Mầm non	578
	+ Tiểu học	585
	+ TH cơ sở	571
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	21
18	Huyện Hà Trung	1.538
	- Trung tâm VHHT-TT và Du lịch	13
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	11
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.514
	+ Mầm non	488
	+ Tiểu học	556
	+ TH cơ sở	445
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	25
19	Thị xã Bỉm Sơn	688
	- Trung tâm VHHT-TT và Du lịch	14
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	6
	Đội quy tắc đô thị	5
	- Sự nghiệp Giáo dục	663
	+ Mầm non	223
	+ Tiểu học	229
	+ TH cơ sở	193
	+ Trung cấp nghề	18
20	Huyện Nga Sơn	1.835
	- Trung tâm VHHT-TT và Du lịch	16
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	10
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.809
	+ Mầm non	530
	+ Tiểu học	651
	+ TH cơ sở	601
	+ Trung cấp nghề	27
21	Huyện Hậu Lộc	2.139
	- Trung tâm VHHT-TT và Du lịch	13
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	12
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.114
	+ Mầm non	738
	+ Tiểu học	771
	+ TH cơ sở	580
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	25
22	Huyện Hoằng Hóa	2.868
	- Trung tâm VHHT-TT và Du lịch	22
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	13
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.833
	+ Mầm non	1.065
	+ Tiểu học	982
	+ TH cơ sở	753
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	33

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025
23	Huyện Quảng Xương	2.400
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	15
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	13
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.372
	+ Mầm non	811
	+ Tiểu học	845
	+ TH cơ sở	695
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	21
24	Thị xã Nghi Sơn	2.990
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	17
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	12
	- Đội quy tắc thị xã	15
	- Ban giải phóng mặt bằng hỗ trợ tái định cư	50
	- Sự nghiệp Giáo dục	2.896
	+ Mầm non	887
	+ Tiểu học	1.160
	+ TH cơ sở	825
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	24
25	Thành phố Sầm Sơn	1.301
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	16
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	9
	- Đội quy tắc thị xã	5
	- Sự nghiệp Giáo dục	1.271
	+ Mầm non	445
	+ Tiểu học	458
	+ TH cơ sở	358
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	10
26	Thành phố Thanh Hóa	4.579
	- Trung tâm VH TT-TT và Du lịch	36
	- Nhà văn hóa thiếu nhi	5
	Ban Quản lý di tích Hàm Rồng	8
	Đội quy tắc thành phố	16
	- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	20
	- Sự nghiệp Giáo dục	4.494
	+ Mầm non	1.347
	+ Tiểu học	1.705
	+ TH cơ sở	1.399
	+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	43
II	CẤP TỈNH	12.661
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	517
-	Trung tâm Dữ liệu thông tin tài nguyên và môi trường	8
-	Chi cục Thủy lợi	75
-	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	29
-	Chi cục Phát triển nông thôn	1
-	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	10
-	Trung tâm Kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng nông lâm thủy sản thuộc Chi cục chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	7

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025
-	Chi cục Kiểm lâm	77
-	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bến En	40
-	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Xuân Liên	21
-	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	20
-	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	17
-	Trung tâm Khuyến nông	34
-	8 Ban Quản lý rừng phòng hộ	156
-	Ban Quản lý Cảng cá Thanh Hóa	19
-	Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới	3
2	Sở Tư pháp	48
-	Trung tâm Bán đấu giá tài sản	6
-	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	32
-	2 Phòng công chứng	10
3	Sở Công Thương	42
-	Trường Trung cấp Thương mại Du lịch	22
-	Trung tâm Khuyến công và tiết kiệm năng lượng	20
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.736
-	Các trường trung học phổ thông (bao gồm cả THPT của 8 trường liên cấp)	5.505
-	THCS (bao gồm THCS của 08 trường 2 cấp học)	142
-	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - kỹ thuật tổng hợp	64
-	Trường trung cấp nghề miền núi	15
-	Trường trung cấp nghề thanh thiếu niên khuyết tật, đặc biệt khó khăn	10
5	Văn phòng UBND tỉnh	8
-	Cơ quan Văn phòng	5
-	Trung tâm công báo	3
6	Nhà khách 25B	15
7	Sở Nội vụ	115
-	Trung tâm Chăm sóc, nuôi dưỡng người có công	61
-	Trung tâm Điều dưỡng người có công	19
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	14
-	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	21
8	Sở Y tế	4.965
-	Chi cục Dân số	11
-	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	15
-	Trung tâm kiểm nghiệm	33
-	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	190
-	Trung tâm Giám định y khoa	13
-	Trung tâm Pháp y	13
-	Khối Trung tâm y tế tuyến huyện	1.139
-	Khối bệnh viện tuyến tỉnh	0
-	Khối bệnh viện tuyến huyện	456
-	Y tế xã	2.911
-	Trung tâm Bảo trợ xã hội	99
-	Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2	29
-	Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội	29
-	Quỹ Bảo trợ trẻ em	2

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025
-	Trung tâm chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi	25
9	Sở Xây dựng	47
-	Thanh tra giao thông	47
10	Sở Khoa học và Công nghệ	28
-	Trung tâm Ứng dụng Chuyên gia Khoa học Công nghệ	10
-	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	4
-	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	14
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	405
-	Thư viện tỉnh	24
-	Trung tâm Nghiên cứu lịch sử và bảo tồn di sản văn hóa Thanh Hóa	27
-	Ban Quản lý Di tích Lam Kinh	9
-	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh	62
-	Bảo tàng tỉnh	16
-	Nhà hát ca múa kịch Lam Sơn	68
-	Nhà hát nghệ thuật truyền thống	86
-	Trung tâm Bảo tồn di sản thành Nhà Hồ	14
-	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao	85
-	Câu lạc bộ bóng đá Thanh Hóa	14
12	Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	15
-	Trung tâm Quản lý Hạ tầng Môi trường và Hỗ trợ đầu tư	15
13	Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa	15
-	Trung tâm Triển lãm, hội chợ và quảng cáo	15
14	Trường Đại học Hồng Đức	241
-	Trường Đại học Hồng Đức	234
-	Trung tâm giáo dục Quốc tế	7
15	Trường Cao đẳng Y tế	82
16	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	59
17	Trường Cao đẳng Công nghiệp	104
18	Trường Cao đẳng Nông nghiệp	99
19	Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn	25
20	Liên minh Hợp tác xã	15
-	Trường trung cấp nghề Kỹ nghệ Thanh Hóa	15
21	Cơ sở cai nghiện ma túy số 1	59
22	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2	21
III	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	93

Phụ lục 3
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ ĐỊNH SUẤT LƯƠNG
TẠI CÁC HỘI CẤP TỈNH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 633 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số	Số lượng người làm việc	Định suất lương
	Tổng cộng	79	78	1
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	16	15	1
2	Hội Văn học nghệ thuật	14	14	
3	Hội Chữ thập đỏ	11	11	
4	Hội Đông y	7	7	
5	Hội Người mù	8	8	
6	Hội Khuyến học tỉnh	1	1	
7	Hội Làm vườn và Trang trại	3	3	
8	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	8	8	
9	Liên Đoàn bóng đá Thanh Hóa	1	1	
10	Hội Luật gia	2	2	
11	Hội Nhà báo	7	7	
12	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	1	1	